TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K-tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08/6/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Hữu Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và bà Trần Thị Lệ Dung

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐST - HNGĐ ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1989; ĐKHK và trú tại: xóm 15, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983; ĐKHK và trú tại: Xóm 1, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị H và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/4/2023 được bổ sung tại bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định từ năm 2007 là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chị được khoảng 3-4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng

thẳng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

Về con cái: Chị xác định giữa chị và anh D có ba người con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/10/2007; Nguyễn V, sinh ngày 15/4/2009 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/12/2011. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả ba con và không yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản, chị xác định vợ chồng không có tài sản chung. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Nguyễn Văn D, có ĐKHKTT tại: Xóm 1, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện K đã giao Thông báo thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của BLTTDS cho anh D. Mặc dù anh D đang có mặt tại nhà mẹ đẻ ở xóm 1, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình, đã nhận được thông báo và nhận các văn bản tố tụng, nhưng anh D vẫn không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hoà giải mà chỉ viết văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và làm đơn xin xét xử vắng mặt gửi mẹ đẻ của mình để giao nộp cho Toà án. Nội dung anh xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng như chị H đã trình bày, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn và anh đồng ý ly hôn với chị H. Về con cái anh xác định vợ chồng có ba người con chung như chị H đã khai. Khi ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả ba người con chung và anh nhận trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H đối với cháu Nguyễn Tiến Đ mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi Toà án có quyết định đến khi cháu Đ thành niên. Về tài sản, anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K qua bài phát biểu tại phiên tòa thể hiện Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành theo quy định của pháp luật, còn bị đơn cũng chấp hành một phần theo quy định của pháp luật, đồng thời đề xuất việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề xuất xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị H với anh Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2007 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định là nơi chị H có đăng ký hộ khẩu thường

trú. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Theo chị H và anh D thì nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quá trình chung sống vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân; vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống và anh D mặc dù không đến Toà án làm việc nên Toà án không tiến hành hoà giải cho các bên được nhưng thông qua trình bày của mình do mẹ đẻ anh D giao nộp cho Toà án thì anh cũng nhất trí ly hôn. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh D qua UBND xã N là nơi anh D cư trú thì chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị Hồng, anh D đã sống ly thân từ năm 2013.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng giữa chị H và anh D đã có thời gian dài ly thân, không ai quan tâm đến nhau; mặc dù đã được hai bên gia đình giúp đỡ hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không Đ được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồng đối với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con cái: Vợ chồng xác định có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/10/2007; Nguyễn V, sinh ngày 15/4/2009 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/12/2011, hiện cả ba cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H xin nhận nuôi cả ba con và không yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con cho chị, còn anh D cũng đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả ba người con chung và anh xin được đóng góp tiền nuôi con cho chị Hồng đối với cháu Nguyễn Tiến Đ mỗi tháng 2.000.000đ tính từ khi Toà án có quyết định đến khi cháu Đ thành niên; Các cháu N, V và Tiến Đ qua ý kiến trình bày đều có nguyện vọng đượng tiếp tục ở với mẹ. Xét chị H và anh D sống ly thân đã lâu, việc chăm sóc các con đều do chị H đảm nhiệm, vì vậy để giữ ổn định cho các cháu và cũng phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng của hai bên, cần chấp nhận theo ý kiến của chị H và anh D, để chị Hồng tiếp tục nuôi cả ba người con chung và chấp nhận sự tự nguyện của anh D trong việc đóng góp tiền nuôi con cho chị H mỗi tháng 2.000.000đ đối với cháu Nguyễn Tiến Đ tính từ tháng 6/2023 đến khi cháu Đ thành niên là phù hợp.

[3] Về tài sản: Chị H và anh D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết vì vậy HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn, nhưng dược khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị H với anh Nguyễn Văn D.

2. Giao chị Hồng tiếp tục nuôi dưỡng ba người con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/10/2007; Nguyễn V, sinh ngày 15/4/2009 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/12/2011; Anh D chịu trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cho chị Hồng mỗi tháng 2.000.000đ đối với cháu Nguyễn Tiến Đ tính từ tháng 6/2023 đến khi cháu Đ thành niên; Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004905 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; Án phí cấp dưỡng nuôi con anh D phải nộp 300.000 đồng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không nộp số tiền phải thanh toán nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Hồng và anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã X,
huyện X, Tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh